

**BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**

HOÀNG QUỐC TUẤN – ĐẶNG THỊ MINH LÝ

**XÃ HỘI HỌC
ĐẠI CƯƠNG**

(Giáo trình dùng cho đào tạo đại học từ xa)

VINH - 2011

Cuốn giáo trình **XÃ HỘI HỌC ĐẠI CƯƠNG** dùng cho sinh viên đại học ngành Luật, hệ đào tạo từ xa, được biên soạn theo đề cương đã phê duyệt, gồm 6 chương, do hai tác giả phân công thực hiện như sau:

Chương sách	Tác giả
<i>Chương 1:</i> Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ nghiên cứu và sự hình thành của xã hội học	<i>Hoàng Quốc Tuấn</i>
<i>Chương 2:</i> Phương pháp nghiên cứu xã hội học	<i>Hoàng Quốc Tuấn</i>
<i>Chương 3:</i> Hành động xã hội, tương tác xã hội và quan hệ xã hội	<i>Đặng Thị Minh Lý</i>
<i>Chương 4:</i> Cơ cấu xã hội, phân tầng xã hội và di động xã hội	<i>Đặng Thị Minh Lý</i>
<i>Chương 5:</i> Tổ chức xã hội và thiết chế xã hội	<i>Hoàng Quốc Tuấn</i>
<i>Chương 6:</i> Văn hoá, xã hội hoá, biến đổi xã hội và một số lĩnh vực nghiên cứu khác của xã hội học	<i>Hoàng Quốc Tuấn</i>

MỤC LỤC

Trang

Chương 1: ĐỐI TƯỢNG, CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ NGHIÊN CỨU VÀ SỰ HÌNH THÀNH, PHÁT TRIỂN CỦA XÃ HỘI HỌC	
1. Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ nghiên cứu	1
1.1. Xã hội học là gì?	1
1.2. Đối tượng nghiên cứu	3
1.3. Chức năng, nhiệm vụ của xã hội học	4
2. Sự hình thành và phát triển của xã hội học	6
2.1. Các tiền đề cơ bản của sự hình thành và phát triển của xã hội học	6
2.2. Các giai đoạn phát triển của xã hội học	9
2.3. Một số trào lưu xã hội học tiêu biểu	11
Chương 2: PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU CỦA XÃ HỘI HỌC	22
1. Phương pháp luận nghiên cứu	22
1.1. Quan điểm nghiên cứu	22
1.2. Mục đích và ý nghĩa của việc nghiên cứu xã hội học	22
2. Tổ chức hoạt động nghiên cứu	23
2.1. Xác định đề tài nghiên cứu	23
2.2. Các thao tác nghiên cứu cơ bản	24
2.3. Một số phương pháp nghiên cứu cụ thể	24
Chương 3: HÀNH ĐỘNG XÃ HỘI, TƯƠNG TÁC XÃ HỘI VÀ QUAN HỆ XÃ HỘI	32
1. Hành động xã hội	32
1.1. Những vấn đề chung về hành động xã hội	32
1.2. Cấu trúc của hành động xã hội	34
1.3. Những yếu tố quy định hành động xã hội	35
1.4. Phân loại hành động xã hội	36
2. Tương tác xã hội	38
2.1. Khái niệm và đặc điểm của tương tác xã hội	38
2.2. Lý thuyết tương tác biểu trưng	39
2.3. Một số lý thuyết tương tác xã hội khác	40
2.4. Phân loại tương tác xã hội	41
3. Quan hệ xã hội	42
3.1. Nội dung, đặc điểm của quan hệ xã hội	42
3.2. Phân loại các quan hệ xã hội	43
Chương 4: CƠ CẤU XÃ HỘI, PHÂN TẦNG XÃ HỘI VÀ DI ĐỘNG XÃ HỘI	45
1. Cơ cấu xã hội	45
1.1. Khái niệm cơ cấu xã hội	45
1.2. Một số lý thuyết về cơ cấu xã hội	46
1.3. Các yếu tố của cơ cấu xã hội	46

1.4. Các loại cơ cấu xã hội cơ bản	51
2. Phân tầng xã hội	54
2.1. Bất bình đẳng xã hội	54
2.2. Nội dung của sự phân tầng xã hội	55
2.3. Giai cấp xã hội	56
3. Di động xã hội	58
3.1. Các hình thức di động xã hội	58
3.2. Những yếu tố ảnh hưởng đến di động xã hội	58
Chương 5: TỔ CHỨC XÃ HỘI VÀ THIẾT CHẾ XÃ HỘI	60
1. Tổ chức xã hội	60
1.1. Khái niệm tổ chức xã hội	60
1.2. Phân loại tổ chức xã hội	60
2. Thiết chế xã hội	69
2.1. Khuôn mẫu, chuẩn mực và giá trị xã hội	69
2.2. Thiết chế xã hội	75
Chương 6: VĂN HOÁ, XÃ HỘI HOÁ, BIẾN ĐỔI XÃ HỘI VÀ MỘT SỐ LĨNH VỰC NGHIÊN CỨU KHÁC CỦA XÃ HỘI HỌC	82
1. Văn hoá	82
1.1. Khái niệm văn hoá	82
1.2. Các thành tố văn hoá	84
1.3. Tính đặc thù của văn hoá	87
1.4. Chức năng của văn hoá	88
1.5. Hội nhập văn hoá, hội nhập xã hội	88
2. Xã hội hoá	90
2.1. Quan niệm và định nghĩa về xã hội hoá	90
2.2. Môi trường xã hội hoá	91
2.3. Phân đoạn quá trình xã hội hoá	93
3. Biến đổi xã hội	95
3.1. Một số khái niệm cơ bản	95
3.2. Cách tiếp cận của xã hội học về biến đổi xã hội	97
3.3. Một số quan điểm hiện đại về biến đổi xã hội	98
3.4. Những nhân tố và điều kiện của sự biến đổi xã hội	100
3.5. Những biến đổi xã hội ở Việt Nam trong thời kỳ đổi mới	102
4. Một số lĩnh vực nghiên cứu khác của xã hội học	103
4.1. Xã hội học về pháp luật	104
4.2. Xã hội học về tệ nạn xã hội	106
4.3. Xã hội học về gia đình	108
Tài liệu tham khảo	117

Chương 1

ĐỐI TƯỢNG, CHỨC NĂNG VÀ SỰ HÌNH THÀNH CỦA XÃ HỘI HỌC

1. ĐỐI TƯỢNG, CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ CỦA XÃ HỘI HỌC

1.1. Xã hội học là gì?

1.1.1. Khái niệm

Thuật ngữ “Xã hội học” (*Sociology*) có nguồn gốc từ chữ *Socius* hay *Societas* trong tiếng Latinh với nghĩa là *xã hội* và chữ *Ology* - *Ologie* hay *Logos* trong tiếng Hy Lạp, có nghĩa là khoa học, học thuyết hay nghiên cứu. Như vậy xã hội học được hiểu là học thuyết về xã hội, hay khoa học nghiên cứu về xã hội. Auguste Comte (1798 – 1857) là người đầu tiên đề xuất ra khái niệm này vào năm 1839 và ông được ghi nhận là “cha đẻ” của ngành xã hội học. A. Comte chủ trương áp dụng mô hình phương pháp luận của khoa học tự nhiên và chủ nghĩa thực chứng để nghiên cứu các quy luật của sự biến đổi xã hội; đặc biệt là các phương pháp của khoa học Vật lý. Vì vậy, bây giờ xã hội học còn được gọi là “Vật lý xã hội”.

Xã hội học là một khoa học, bởi nó được xây dựng trên cơ sở của các tiên đề khoa học về đối tượng nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu, đồng thời được nghiệm chứng trong các hoạt động thực tiễn nhằm phục vụ đời sống xã hội của con người. Trước khi có khoa học, mọi hiện tượng tự nhiên và xã hội đều được giải thích theo ý nghĩ chủ quan của con người và cho rằng, tất cả đều do sức mạnh của các đấng tối cao, các đấng siêu nhiên, siêu nhân như Trời, Chúa Trời, Thánh, Thần... tạo ra. Trong khi đó khoa học cho rằng thế giới tự nhiên và xã hội loài người luôn vận động theo quy luật, khoa học có nhiệm vụ tìm hiểu các quy luật đó để đưa ra các dự báo và tìm cách kiểm soát các hiện tượng đó. Giống như các khoa học khác, xã hội học dựa trên hai tiên đề cơ bản của mọi khoa học, đó là: giới tự nhiên có tính quy luật và mọi hiện tượng tự nhiên đều có nguyên nhân tự nhiên. Xã hội học phát hiện ra các quy luật tự nhiên để giải thích các hiện tượng xã hội, bởi con người và tổ chức xã hội đều là những bộ phận phát triển ở trình độ cao của giới tự nhiên. Tuy nhiên, các quy luật tự nhiên xảy ra trong thế giới tự nhiên không hoàn toàn giống như trong xã hội loài người, bởi nó phụ thuộc vào nhiều yếu tố chủ quan và khách quan như: điều kiện, hoàn cảnh lịch sử - xã hội trong từng thời điểm cụ thể. Xã hội học có trách nhiệm chỉ ra các điều kiện, các cơ chế hoạt động và biểu hiện của quy luật, đồng thời giải thích các trường hợp ngoại lệ, bất thường.

Để có thể cung cấp những tri thức ngày càng đúng đắn về bản chất của con người và xã hội, xã hội học tích cực vận dụng các phương pháp nghiên cứu của nhiều khoa học khác và không ngừng phát triển, hoàn thiện hệ thống các phương pháp nghiên cứu và bộ máy khái niệm của mình. Xã hội học khẳng định cơ sở khoa học của mình không những trong phương pháp nghiên cứu mà còn trong việc hình thành, vận dụng và phát triển bộ máy khái niệm. Bộ máy khái niệm được hiểu là hệ thống các lý thuyết,

các khái niệm trừu tượng, các quy luật, các phát minh và các bằng chứng khoa học, các quan sát thực nghiệm được các nhà khoa học cùng ngành chia sẻ, chấp nhận và vận dụng.

Xã hội học tiềm ẩn một sức sáng tạo lớn lao và giàu chất thực tiễn, xã hội học chỉ có thể khẳng định tính khoa học đích thực của mình thông qua hoạt động tìm tòi, dự báo và kiểm soát hoạt động thực tiễn để làm cho xã hội ngày càng văn minh, công bằng và tiến bộ.

1.1.2. Định nghĩa

Trong lịch sử hình thành và phát triển của xã hội học đã xuất hiện nhiều định nghĩa khác nhau. Các nhà xã hội học xuất phát từ những quan điểm và phương pháp nghiên cứu khác nhau đều tìm cách đưa ra những định nghĩa của riêng mình, chẳng hạn:

- *A. Comte*: “Xã hội học là khoa học về các quy luật của tổ chức xã hội”.

- *M. Weber*: “Xã hội học là khoa học cố gắng giải nghĩa xã hội và tiến tới cách giải thích nhân quả về đường lối và hệ quả của hành động xã hội”.

- *V.I. Ja-đốp*: “Xã hội học là khoa học về sự hình thành, phát triển và sự vận hành của các cộng đồng xã hội, các tổ chức xã hội và các quá trình xã hội với tính cách là các hình thức tồn tại của chúng, khoa học về các quan hệ xã hội với tính cách là các cơ chế liên hệ tác động qua lại giữa các cá nhân và cộng đồng, khoa học về các tính quy luật của các hành động xã hội và các hành vi quần chúng”.

- *G.V Osipov*: “Xã hội học là khoa học về các quy luật và tính quy luật xã hội chung và đặc thù của sự phát triển và vận hành của các hệ thống xã hội xác định về mặt lịch sử, là khoa học về các cơ chế tác động và các hình thức biểu hiện của các quy luật đó trong hoạt động của các cá nhân, các nhóm xã hội, các giai cấp và các dân tộc”.

- *L. Kogan*: “Xã hội học là khoa học nghiên cứu những hiện tượng xã hội, sự tác động giữa xã hội và giới tự nhiên, thậm chí nghiên cứu cả những tính quy luật và những thành tố hành vi ứng xử của con người”.

1.1.3. Cơ cấu của xã hội học

Cơ cấu của xã hội học được phân chia theo các phương diện như, căn cứ vào cấp độ nghiên cứu rộng hay hẹp, tổng quát hay cụ thể; nghiên cứu lý luận hay nghiên cứu thực nghiệm mà phân thành các nhóm: xã hội học đại cương, xã hội học chuyên biệt (hay chuyên ngành), xã hội học lý thuyết - trừu tượng, xã hội học cụ thể - thực nghiệm, xã hội học vĩ mô - xã hội học vi mô...

- *Xã hội học đại cương*

Xã hội học đại cương được coi là cấp độ cơ bản của hệ thống lý thuyết xã hội học, là khoa học của cái chung nhất, của các quy luật xã hội học về sự hoạt động và

phát triển của xã hội, của sự tương tác tự nhiên, vốn có của các yếu tố hợp thành hệ thống xã hội. Tuy nhiên, trong thực tế nghiên cứu và giảng dạy, mức độ “đại cương” thường tác giả trình bày rất khác nhau, không chỉ về cách thức mà quan trọng hơn là sự khác nhau về nội dung của các vấn đề được đưa ra để nghiên cứu. Ví dụ: trong cuốn “*Nhập môn xã hội học*”, *Tony Bilton và các tác giả* đã trình bày nội dung của xã hội học đại cương rất cụ thể với rất nhiều lĩnh vực xã hội khác nhau như: Các lý thuyết xã hội học, các kiểu bất bình đẳng xã hội, vấn đề giai cấp, những hình thức phụ thuộc, giới và chủng tộc, gia đình, giáo dục, quyền lực và chính trị, lao động-nghề nghiệp, tín ngưỡng - tôn giáo, sai lệch xã hội, các phương pháp nghiên cứu... Trong khi đó ở Mỹ, xã hội học đại cương chỉ tập trung trình bày các nội dung: xã hội học là gì? Cá nhân và xã hội, tổ chức xã hội, phân tầng xã hội, sự biến đổi xã hội. Xã hội học đại cương thường được quan niệm là xã hội học chuyên về lý luận.

- Xã hội học chuyên biệt

Xã hội học chuyên biệt hay còn gọi là xã hội học chuyên ngành - là một bộ phận của xã hội học, luôn áp dụng các lý luận của xã hội học đại cương vào nghiên cứu các mặt khác nhau của đời sống xã hội, hay sự vận động và phát triển của xã hội trong một giới hạn phạm vi nhất định như: nông thôn, đô thị, văn hoá, giai cấp, tôn giáo, giới tính... Hiện nay ở một số nước công nghiệp phát triển đã có trên 200 chuyên ngành xã hội học khác nhau.

- Xã hội lý thuyết và xã hội thực nghiệm

Sự phân biệt ranh giới giữa xã hội học lý thuyết và xã hội học thực nghiệm chỉ có tính chất quy ước, tương đối mà thôi. Bởi vì, không thể nghiên cứu bất cứ điều gì mà không lấy lý thuyết làm cơ sở cho các hoạt động tìm tòi, phát hiện. Trong xã hội học đại cương, tuy bao hàm các lý thuyết trừu tượng nhưng cũng rất quan tâm đến sự kiểm chứng qua thực nghiệm. Xã hội học vì thế mà có tính chất, vừa là khoa học lý thuyết vừa là khoa học thực nghiệm. Nhận thức lý thuyết được làm phong phú, sâu sắc thêm trên cơ sở thực nghiệm khoa học. Hệ thống các khái niệm, các định nghĩa luôn luôn được đưa vào kiểm chứng trong thực nghiệm, coi đó là ngọn nguồn của sự khái quát hoá.

1.2. Đối tượng nghiên cứu của xã hội học

Quá trình xác định đối tượng nghiên cứu trong xã hội học cũng là quá trình tranh luận gay gắt kéo dài hơn một thế kỷ cả về lý luận và phương pháp của nhiều trào lưu xã hội học khác nhau trên thế giới. Mỗi thời kỳ lịch sử hay mỗi khu vực khác nhau, xã hội học có những cách thức xác định và tiếp cận đối tượng nghiên cứu riêng của mình.

1.2.1. Cách tiếp cận “vi mô” cho rằng: đối tượng nghiên cứu của xã hội học là hành vi xã hội hay hành động xã hội của con người, cách tiếp cận này rất được chú trọng trong nghiên cứu xã hội học ở Mỹ. Một số nhà xã hội học Mỹ đưa ra lập luận “*hãy trả lại con người cho xã hội học*”. Chính từ đó mà “*chủ nghĩa hành vi*” ra đời và

phát triển, vì thế xã hội học được định nghĩa là *khoa học nghiên cứu hành vi, hành động xã hội của con người*, hay còn gọi là xã hội học vi mô.

1.2.2. Cách tiếp cận “vi mô”

Xã hội học Châu Âu chủ trương: đối tượng nghiên cứu của xã hội học là *các hệ thống, các quá trình xã hội hay đời sống xã hội của con người*. Nghĩa là phạm vi tiếp cận đối tượng nghiên cứu rất rộng lớn và bao quát. Do cách tiếp cận đối tượng nghiên cứu như vậy còn được gọi là xã hội học vĩ mô.

1.2.3. Cách tiếp cận “tổng hợp”

Trong quá trình nghiên cứu, các tiếp cận “vi mô” và cách tiếp cận “vĩ mô” đã gặp phải những sự phê phán và “cạnh tranh” đối tượng nghiên cứu. Cách tiếp cận “vi mô” của xã hội học Mỹ nghiêng về phía con người, bị các ngành khoa học nhân văn và tâm lý học lấn át. Còn cách tiếp cận “vĩ mô” - nghiên cứu quá trình xã hội hay hệ thống xã hội của xã hội học châu Âu, thường không vượt qua khỏi các khoa học khác như: Triết học (đặc biệt là chủ nghĩa duy vật lịch sử), sử học hay kinh tế chính trị học. Để giải quyết vấn đề này, các nhà xã hội học mácxít đã đề xuất phương pháp tiếp cận “tổng hợp” bằng cách kết hợp cả hai cách tiếp cận “vi mô” và “vĩ mô”, nghĩa là vừa nghiên cứu hành vi con người, vừa nghiên cứu hệ thống xã hội.

Theo cách tiếp cận “tổng hợp”, đối tượng nghiên cứu của xã hội học không chỉ là con người hay xã hội, mà còn có các mối quan hệ hữu cơ, sự ảnh hưởng lẫn nhau giữa một bên là con người với tư cách là cá nhân, nhóm... và một bên là xã hội với tư cách là hệ thống xã hội, cơ cấu xã hội. Thực tế nghiên cứu xã hội học ngày nay thường tập trung vào các lĩnh vực hay các nhóm yếu tố xã hội sau đây:

- *Các yếu tố của xã hội học gồm:* văn hoá, cấu trúc xã hội, xã hội hoá, tương tác xã hội, sự lệch chuẩn và kiểm soát xã hội, các cộng đồng dân cư.

- *Bất bình đẳng xã hội gồm:* phân tầng của các giai cấp, bất bình đẳng dân tộc và chủng tộc, vai trò giới tính và bất bình đẳng, lứa tuổi và bất bình đẳng.

- *Các thiết chế xã hội gồm:* gia đình, giáo dục, tôn giáo, hệ thống kinh tế, hệ thống chính trị.

- *Xã hội biến cách gồm:* tính năng động xã hội, hành vi tập thể, các phong trào xã hội, các biến đổi xã hội về văn hoá và chuẩn mực xã hội...

1.3. Chức năng, nhiệm vụ của xã hội học

1.3.1. Chức năng của Xã hội học

Xã hội học có các chức năng chủ yếu như: chức năng nhận thức, chức năng thực tiễn, chức năng tư tưởng, chức năng dự báo, chức năng kiểm soát và quản lý... Nhưng tất cả các chức năng đó đều nhằm vào hai mục đích thiết thực là “*giải thích*” thế giới

và “*cải tạo*” thế giới. Sau đây là ba chức năng quan trọng có tính phổ quát nhất của xã hội học:

- *Chức năng nhận thức*

Xã hội học cung cấp cho con người những tri thức khoa học về bản chất của hiện thực xã hội và của con người; đồng thời phát hiện ra các quy luật, tính quy luật và cơ chế hình thành, vận động, phát triển của các quá trình, các hiện tượng xã hội cũng như của các mối quan hệ tác động qua lại giữa con người và xã hội. Xã hội học còn xây dựng và phát triển hệ thống các phạm trù, các khái niệm, các lý thuyết và các phương pháp luận nghiên cứu về con người và xã hội. Nhận thức của xã hội học được thể hiện qua việc nắm bắt, phân tích các hành động xã hội để hiểu con người trải nghiệm cái gì, chia sẻ hệ giá trị xã hội như thế nào, lựa chọn mục đích, phương tiện hành động ra sao? v.v... Phương pháp nhận thức cơ bản là trực tiếp quan sát và tham dự vào sự kiện xã hội để miêu tả tỉ mỉ, đầy đủ chính xác về bối cảnh và tình huống xã hội. Việc giải thích phải dựa vào logic suy luận quy nạp, từ cái riêng đến cái chung. Theo xã hội học Mác-xít, nhận thức xã hội học phải chỉ ra được cơ cấu thực của các quá trình, các hiện tượng trong thế giới vật chất của tồn tại xã hội; tri thức xã hội học phải giúp cho con người khả năng nhận ra *phải - trái, đúng - sai* và góp phần cải tạo đời sống của con người.

- *Chức năng thực tiễn*

Đây là một trong những mục tiêu cao cả của xã hội học, nó thể hiện ở sự nỗ lực cải thiện xã hội và cuộc sống của con người. Xã hội học không chỉ biết nhận thức hiện thực mà còn phải biết giải quyết đúng đắn, kịp thời những vấn đề nảy sinh trong xã hội để cải thiện được thực trạng xã hội. Nghiên cứu xã hội học còn phải hướng tới dự báo những gì sẽ xảy ra và đề xuất các giải pháp, các kiến nghị để có thể kiểm soát các hiện tượng, các quá trình xã hội. Chỉ có trên cơ sở nhận thức được quy luật, tính quy luật và thuộc tính của sự vật hiện tượng, xã hội học mới có thể đưa ra được những dự báo về tương lai và cung cấp thông tin cần thiết cho việc lựa chọn các quyết định quản lý thích hợp. Các dự báo của xã hội học có thể được sử dụng vào việc đề ra mục tiêu, giải pháp, hoạch định đường lối chính sách và đề ra được những quyết định hành động một cách khoa học. Xã hội học “*không phải chỉ để giải thích quá khứ mà còn dự kiến tương lai một cách mạnh dạn và thực hiện dự kiến ấy bằng một hành động dũng cảm*”¹.

- *Chức năng tư tưởng*

Muốn lãnh đạo được xã hội thì người lãnh đạo phải nắm vững tình hình tư tưởng, trạng thái tâm lý của các tầng lớp nhân dân. Trạng thái tư tưởng luôn luôn biến động theo những diễn biến của thực trạng kinh tế, chính trị, xã hội. Tri thức xã hội học giúp

¹ V.I. Lênin: *Toàn tập, tập 26*. Nxb Tiến bộ, Matxcơ va, (Bản tiếng Việt), trang 88.

ta hiểu rõ thực trạng tư tưởng để làm tốt công tác chính trị, tư tưởng, nắm bắt và định hướng được dư luận xã hội, góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý và lãnh đạo các lĩnh vực hoạt động của đời sống xã hội. Xã hội học Mác-xít trang bị thế giới quan khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin, chủ nghĩa duy vật lịch sử, tư tưởng Hồ Chí Minh, nâng cao lý tưởng xã hội chủ nghĩa và tinh thần cách mạng phấn đấu đến cùng cho chủ nghĩa xã hội. Đồng thời góp phần vào việc bồi dưỡng tinh thần yêu nước, độc lập dân tộc, giáo dục ý thức về vai trò, về trách nhiệm công dân của mỗi người trong sự nghiệp phát triển xã hội theo phương châm “*dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh*”. Ngoài ra xã hội học còn có các nhiệm vụ nghiên cứu lý luận, nghiên cứu thực nghiệm và nghiên cứu ứng dụng. Nghiên cứu lý luận để phát triển hệ thống lý luận, phương pháp nghiên cứu và tổ chức nghiên cứu một cách cơ bản, hệ thống những vấn đề lý luận và thực tiễn nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội. Nghiên cứu thực nghiệm là một nhiệm vụ quan trọng để kiểm nghiệm, chứng minh các giả thuyết khoa học; phát hiện bằng chứng và những vấn đề mới làm cơ sở cho việc sửa đổi, phát triển và hoàn thiện khái niệm, lý thuyết và phương pháp luận nghiên cứu. Đồng thời kích thích và hình thành tư duy xã hội học. Nghiên cứu ứng dụng là để hướng tới việc đề ra các giải pháp nhanh chóng rút ngắn khoảng cách giữa tri thức lý luận, tri thức thực nghiệm với hoạt động thực tiễn và cuộc sống thực của con người...

1.3.2. Nhiệm vụ của Xã hội học

- Nhiệm vụ nghiên cứu lý luận

Xã hội học nghiên cứu lý luận để nhằm hướng tới hình thành và phát triển hệ thống lý luận, phương pháp luận nghiên cứu và tổ chức nghiên cứu một cách cơ bản, có hệ thống về những vấn đề lý luận và thực tiễn đáp ứng yêu cầu phát triển của xã hội.

- Nhiệm vụ nghiên cứu thực nghiệm

Xã hội học tiến hành nghiên cứu thực nghiệm để: kiểm nghiệm, chứng minh các giả thuyết khoa học; phát hiện các bằng chứng, các vấn đề mới nảy sinh làm cơ sở cho việc sửa đổi, phát triển và hoàn thiện khái niệm, lý thuyết và phương pháp nghiên cứu; kích thích và hình thành tư duy xã hội học. Nghiên cứu thực nghiệm được coi là chiếc cầu nối giữa lý luận và thực tiễn.

- Nhiệm vụ nghiên cứu ứng dụng

Nghiên cứu ứng dụng nhằm hướng tới việc đề ra các giải pháp vận dụng những phát hiện của nghiên cứu lý luận và nghiên cứu thực nghiệm trong hoạt động thực tiễn, đưa tri thức khoa học vào trong cuộc sống.

2. SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA XÃ HỘI HỌC

2.1. Các tiền đề cơ bản dẫn tới sự hình thành của xã hội học

2.1.1. Biến đổi kinh tế - xã hội và nhu cầu thực tiễn

Xã hội học xuất hiện ở châu Âu thế kỷ XIX với tư cách là một tất yếu lịch sử xã hội. Tính tất yếu đó thể hiện ở nhu cầu và sự phát triển chín muồi các điều kiện, các tiền đề biến đổi và nhận thức đời sống xã hội.

- Biến đổi về kinh tế

Các cuộc cách mạng thương mại và công nghệ cuối thế kỷ XVIII đã làm lay chuyển tận gốc trật tự kinh tế cũ tồn tại và phát triển hàng nghìn năm trước đó. Hình thái kinh tế xã hội kiểu phong kiến bị sụp đổ từng mảng lớn trước sức mạnh bành trướng của thương mại và công nghiệp. Do tác động của tự do hoá thương mại, tự do hoá sản xuất và đặc biệt là tự do hoá lao động, hệ thống tổ chức quản lý kinh tế theo kiểu truyền thống đã bị thay thế bằng cách tổ chức xã hội hiện đại. Thị trường được mở rộng, hàng loạt nhà máy, xí nghiệp và tập đoàn kinh tế ra đời, thu hút nhiều lao động từ nông thôn ra thành phố làm thuê. Các hoạt động buôn bán và tổ chức sản xuất theo quy mô công nghiệp đã ra đời ở nhiều nước Tây Âu như Anh, Pháp, Đức... Nền kinh tế tư bản chủ nghĩa mới phát triển trong khoảng 100 năm đã sản xuất được khối lượng sản phẩm kinh tế ước tính bằng toàn bộ khối lượng của cải vật chất mà loài người tạo ra trong suốt tiến trình lịch sử phát triển trước khi có chủ nghĩa tư bản.

- Biến đổi về xã hội và nhu cầu thực tiễn

Biến đổi kinh tế kéo theo những biến đổi sâu sắc trong đời sống xã hội. Nông dân bị tách ra khỏi ruộng đất trở thành những người làm thuê, bán sức lao động. Của cải, đất đai, tư bản không còn tập trung trong tay tầng lớp phong kiến, quý tộc, tăng lữ mà rơi vào tay giai cấp tư sản. Sự mở rộng quy mô công nghiệp đã đẩy nhanh quá trình đô thị hoá, tập trung dân cư, phát triển giao thông và cơ sở hạ tầng. Kỹ thuật, công nghệ và khoa học phát triển nhanh chóng... Các hình thức tổ chức xã hội theo kiểu phong kiến trước đây bị lung lay, xáo trộn và biến đổi mạnh mẽ. Cơ cấu gia đình cũng bị thay đổi khi cá nhân rời bỏ cộng đồng làng quê nông thôn ra thành phố để sinh sống. Hệ thống các giá trị văn hoá truyền thống cũng bị thay đổi, các cá nhân ngày càng bị cuốn hút, lôi kéo vào hoạt động kinh tế và lối sống cạnh tranh, vụ lợi. Do vậy luật pháp ngày càng phải quan tâm tới việc điều tiết các quá trình kinh tế và các quan hệ xã hội mới mẻ. Các thiết chế và tổ chức hành chính, xã hội kiểu phong kiến, quân chủ độc đoán, chuyên chế cũng phải thay đổi theo hướng thị dân hoá và công dân hoá. Trong bối cảnh kinh tế, xã hội như vậy, xã hội học đã ra đời để đáp ứng nhu cầu nhận thức các biến đổi xã hội và thiết lập lại các trật tự xã hội.

2.1.2. Biến đổi về chính trị - xã hội và tư tưởng

- Biến đổi về chính trị - xã hội

Cuộc đại cách mạng Pháp năm 1789 là biến đổi chính trị, xã hội quan trọng nhất góp phần làm thay đổi căn bản thể chế chính trị, trật tự xã hội và các thiết chế xã hội châu Âu thế kỷ XVIII. Nó không chỉ mở đầu cho thời kỳ tan rã của chế độ phong kiến, của nhà nước quân chủ mà còn thay thế trật tự cũ đó bằng một trật tự chính trị, xã hội

mới – chế độ tư bản chủ nghĩa và nhà nước tư sản. Ở một số nước châu Âu khác như Đức, Italia... sự biến đổi chính trị diễn ra theo con đường “tiến hoá”. Đặc điểm chung của những thay đổi to lớn trong đời sống chính trị châu Âu lúc bấy giờ là quyền lực chính trị chuyển sang tay giai cấp tư sản và một thiểu số người nắm giữ tư liệu sản xuất. Biến đổi này đã góp phần củng cố và phát triển chủ nghĩa tư bản, tạo điều kiện thuận lợi cho tự do buôn bán, tự do sản xuất, tự do ngôn luận và đặc biệt là tự do bóc lột sức lao động của công nhân. Mâu thuẫn sâu sắc về lợi ích giữa các tầng lớp xã hội, nhất là giữa giai cấp công nhân vô sản và giai cấp tư sản đã lên tới đỉnh điểm làm bùng nổ cuộc cách mạng vô sản đầu tiên trên thế giới - Công xã Paris năm 1871 và sau đó là cuộc cách mạng tháng Mười Nga 1917...

- Biến đổi về tư tưởng

Những biến động chính trị, xã hội ở châu Âu mà tiêu biểu là cuộc cách mạng Pháp đã để lại dấu ấn không phai mờ trong lịch sử xã hội học. Nước Pháp là cái nôi hình thành của xã hội học, những công trình nghiên cứu xã hội học đầu tiên của các nhà xã hội học tiền bối như: A. Comte, E. Durkheim, H. Spencer, G. Simmel, K. Marx... đều chịu ảnh hưởng sâu sắc của học thuyết “*xã hội chủ nghĩa*” Pháp. Do vậy, họ đều tìm cách tìm hiểu, mô tả các hiện tượng, các quá trình xã hội để giải thích một cách đầy đủ những biến động chính trị, đồng thời chỉ ra con đường và biện pháp để lập lại trật tự, nhằm duy trì sự tiến bộ xã hội.

2.1.3. Biến đổi về lý luận và phương pháp luận nghiên cứu

- Biến đổi về lý luận

Tiền đề lý luận và phương pháp luận làm nảy sinh xã hội học bắt nguồn từ những tư tưởng khoa học và văn hoá của thế kỷ XVIII (thế kỷ Khai sáng). Nhằm biện minh cho chủ nghĩa tư bản, các nhà tư tưởng đã cổ vũ và bênh vực cho quyền con người. Ở Anh, *Adam Smith* cho rằng các cá nhân phải được tự do thoát khỏi những ràng buộc và hạn chế bên ngoài để tự do cạnh tranh. Có như vậy, các cá nhân mới tạo ra được một xã hội ngày càng tốt đẹp hơn. Ở Pháp, tư tưởng và học thuyết của *Voltaire, Rousseau, Condorcet, Diderot*... có một ảnh hưởng sâu sắc trong xã hội. Các nhà triết học Pháp cho rằng con người và xã hội bị chi phối bởi điều kiện và hoàn cảnh xã hội của họ, con người có những “*quyền tự nhiên*” nhất định mà các thiết chế xã hội đang vi phạm. Vì vậy, cần xoá bỏ, thay thế trật tự xã hội cũ bằng một trật tự xã hội mới phù hợp hơn với bản chất và nhu cầu cơ bản của con người.

- Biến đổi về phương pháp luận nghiên cứu

Sự phát triển mạnh mẽ của khoa học và đặc biệt là phương pháp luận nghiên cứu khoa học cũng là nhân tố quan trọng cho sự ra đời của xã hội học. Các cuộc cách mạng khoa học diễn ra ở thế kỷ XVI, XVII và đặc biệt là thế kỷ XVIII đã làm thay đổi căn bản thế giới quan và phương pháp luận khoa học. Các hiện tượng, quá trình xã hội và hành động của con người đã trở thành đối tượng nghiên cứu khoa học. Các nhà triết

học, các nhà khoa học xã hội thế kỷ XVIII, XIX khát khao nghiên cứu các hiện tượng, các quá trình xã hội để phát hiện ra các quy luật tự nhiên của tổ chức xã hội, nhất là các quy luật của sự phát triển và tiến bộ xã hội.

2.2. Các giai đoạn phát triển của xã hội học

2.2.1. Giai đoạn nguồn gốc

- Những mầm mống tri thức đầu tiên

Xã hội học chỉ thực sự trở thành một khoa học độc lập vào khoảng những năm 30 của thế kỷ XIX, nhưng nguồn gốc của nó đã có mầm mống từ lâu đời. Trong các học thuyết tư tưởng, các trào lưu triết học cổ đại ở phương Đông và phương Tây, đều đề cập đến cách thức tổ chức, xây dựng một xã hội tốt đẹp, một trật tự quan hệ xã hội nề nếp dựa trên những nguyên tắc đạo đức nhất định. Đồng thời cũng nói nhiều đến cách thức tu luyện, ứng xử làm người và nhận thức của con người về tự nhiên và xã hội.

- Xã hội học trở thành một khoa học độc lập

Nhưng phải đến thế kỷ XIX, khi hàng loạt phát minh vĩ đại ra đời làm cho khoa học tự nhiên có những bước tiến mới. Đó là những phát minh về *cấu trúc tế bào của sinh vật, quy luật về bảo tồn và chuyển hoá năng lượng, học thuyết của Darwin về sự phát triển của thế giới hữu cơ...* Những sự kiện thực nghiệm mà khoa học tự nhiên thu được đã góp phần giúp cho con người nhận thức tổng quát bức tranh về thế giới tự nhiên như là một chỉnh thể thống nhất. Điều đó đã dẫn đến ý nghĩ cho rằng, các hiện tượng và các quá trình xã hội cũng phải tuân thuộc vào những tính quy luật nào đó. Khoa kinh tế chính trị học cũng đạt được những tiến bộ trong việc phát hiện bản chất của hàng loạt hiện tượng và quá trình thực tại của chủ nghĩa tư bản. Các môn khoa học xã hội khác như Sử học, Pháp quyền cũng thu được nhiều thành tựu nghiên cứu mới. Trong khi đó môn triết học xã hội thời đó bị tách ra khỏi đời sống thực tế với những lập luận trừu tượng, tư biện không đáp ứng được yêu cầu của xã hội. Xã hội học trở thành một khoa học độc lập, có đối tượng nghiên cứu xác định, có phương pháp nghiên cứu đảm bảo các nguyên tắc khoa học, có hệ thống lý luận được xây dựng trên cơ sở kế thừa và tiếp thu hệ thống lý luận của nhiều ngành khoa học khác. Như vậy, Xã hội học chỉ có thể xuất hiện như một khoa học độc lập khi mà các ngành khoa học xã hội và tự nhiên đã đạt tới một trình độ phát triển khiến người ta xác định được sự cần thiết khách quan phải tách việc nghiên cứu các quá trình xã hội ra khỏi triết học.

2.2.2. Giai đoạn cổ điển

- Thực chứng luận và phản thực chứng

Auguste Comte là một trong những người sáng lập ra “*chủ nghĩa thực chứng*”, triết học thực chứng của ông yêu cầu phải dựa vào các sự kiện, phải tin tưởng vào các tri thức thực chứng, đó là một nguyên tắc và với tư cách là một khoa học độc lập, xã hội học cũng phải tuân thủ nguyên tắc này. Khi giải thích về nguyên nhân phát triển

của xã hội, Comte đã đứng trên lập trường của chủ nghĩa duy tâm, cho rằng: nguyên nhân của sự phát triển xã hội nằm trong sự phát triển tinh thần của con người.

Xã hội học tư sản xuất hiện đồng thời với sự lớn mạnh của chủ nghĩa tư bản và phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân. Các học giả tư sản đã phát hiện thấy trong quá trình của những sự phát triển đó đã nảy sinh một nguy cơ to lớn đối với chủ nghĩa tư bản – đó chính là phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân. Trong những năm đầu của thế kỷ XX, xã hội học có nhiệm vụ: phải điều hoà các quan hệ giữa con người với con người trong quá trình sản xuất; phải nghiên cứu tâm trạng và dư luận xã hội và tìm ra những giải pháp quản lý thích hợp... Nghĩa là cố gắng tìm cách để hạn chế và loại trừ các mâu thuẫn nảy sinh trong lòng xã hội tư bản.

Trong các thập niên 20, 30 (thế kỷ XX), việc nghiên cứu ứng dụng ngày càng chiếm một vị trí quan trọng trong xã hội học và đến giữa thế kỷ XX, đã xuất hiện hai khuynh hướng phát triển của xã hội học tư sản: đó là khuynh hướng xã hội học Mỹ và khuynh hướng xã hội học châu Âu.

Sự phát triển của *xã hội học châu Âu* gắn với triết học xã hội, còn *xã hội học Mỹ*, ngay từ khi mới hình thành đã là một khoa học chủ yếu thiên về nghiên cứu hành vi con người (“*Chủ nghĩa hành vi*”). Những thành tựu chủ yếu của xã hội học Mỹ là hàng loạt các công trình lý luận nghiên cứu xã hội ở cấp trung bình, đặc biệt là lý luận về: tổ chức xã hội, cấu trúc xã hội, các nhóm nhỏ, hành vi tập thể, thông tin đại chúng, v.v... định hướng vào các vấn đề xã hội cụ thể. Điều đó hoàn toàn phù hợp với chủ nghĩa thực dụng ở Mỹ, nó mở ra những lĩnh vực mới mà trước đây hoàn toàn chưa được nghiên cứu tới. Chính vì vậy mà xuất hiện xu hướng “*Mỹ hoá*” xã hội học châu Âu.

- *Xã hội học Mác xít*

Những người sáng lập ra chủ nghĩa xã hội khoa học là Mác và Ăngghen. Trong khi phân tích một cách sâu sắc, toàn diện xã hội tư bản chủ nghĩa và những mâu thuẫn của xã hội đó, các ông đã chứng minh quan điểm duy vật về lịch sử và xã hội. Thiên tài của các ông là không những chỉ ra các quy luật phát triển của chủ nghĩa tư bản, mà còn phát hiện ra tính quy luật tất yếu của bước quá độ cách mạng từ chủ nghĩa tư bản sang chủ nghĩa xã hội. Những tác phẩm của Mác và Ăngghen khi bàn về chủ nghĩa tư bản và Cách mạng Pháp là những mẫu mực thể hiện sự thống nhất hữu cơ giữa lý luận và tài liệu thực nghiệm trong việc phân tích các quá trình và hiện tượng xã hội của xã hội tư bản chủ nghĩa.

Di sản phong phú của Mác-Ăngghen đã được V.I. Lênin quán triệt và phát triển trong các tác phẩm “*Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở Nga*” và “*Chủ nghĩa đế quốc, giai đoạn tốt cùng của chủ nghĩa tư bản*”v.v... Lênin coi những công trình nghiên cứu xã hội học liên quan đến các hoạt động của đảng, nhà nước có một ý nghĩa to lớn. Ông chỉ ra rằng, muốn cho việc nghiên cứu xã hội học có tính chất thực sự khoa học, thì phải từ những sự thật chính xác và không thể chối cãi được để xác định cơ sở mà

người ta có thể dựa vào, hay dùng để đối chiếu với bất cứ lập luận nào trong những lập luận “chung” hay “khuôn mẫu” riêng...

Từ sau Chiến tranh thế giới lần thứ II đến giữa những năm 80 (TK XX), xã hội học ở các nước xã hội chủ nghĩa trước đây phát triển không đồng đều, trải qua nhiều bước thăng trầm và không được quan tâm đúng mức.

2.3. Một số trào lưu lý thuyết Xã hội học tiêu biểu

3.3.1. Xã hội học Auguste Comte (1798 - 1857)

A. Comte là người chịu ảnh hưởng sâu sắc của trào lưu triết học Ánh sáng và chứng kiến những biến động chính trị, xã hội, các cuộc cách mạng công nghiệp và các cuộc xung đột giữa khoa học và tôn giáo ở Pháp. Các công trình cơ bản của ông gồm: “*Triết học thực chứng*” (nhiều tập, xuất bản trong khoảng thời gian từ 1830 - 1842), “*Hệ thống chính trị học thực chứng*” (1851 - 1854)...

- Về phương pháp luận nghiên cứu

A. Comte chủ trương xã hội học phải góp phần tổ chức và lập lại trật tự xã hội, phải tìm ra những quy luật khái quát phản ánh mối quan hệ căn bản nhất của các sự vật, hiện tượng xã hội. Phát hiện, chứng minh, và làm sáng tỏ các quy luật tổ chức, biến đổi xã hội bằng phương pháp luận của chủ nghĩa thực chứng. Theo ông, xã hội học cũng giống như các khoa học tự nhiên (Vật lý, Sinh vật học) trong việc vận dụng các phương pháp luận nghiên cứu để tìm hiểu bản chất xã hội. Xã hội học nghiên cứu xã hội bằng các phương pháp thực chứng, tức là thu thập và xử lý thông tin, kiểm tra giả thuyết và xây dựng lý thuyết, so sánh và tổng hợp cứ liệu. A. Comte phân loại các phương pháp nghiên cứu xã hội học thành các nhóm:

+ *Quan sát*: Quan sát các sự kiện xã hội là để thu thập bằng chứng, người quan sát phải tự giải phóng tư tưởng thoát ra khỏi sự ràng buộc của chủ nghĩa giáo điều, triết lý suông. Quy tắc quan sát phải gắn với lý luận, phải được soi rọi bởi lý thuyết, quan sát phải có mục đích, phải tuân thủ theo quy luật của hiện tượng. Quan sát mà không có sự chỉ dẫn của lý thuyết là quan sát mù quáng và sẽ không có ích lợi gì cho sự phát triển của xã hội học.

+ *Thực nghiệm*: Cả một hệ thống xã hội thì không thể tiến hành thực nghiệm trong phòng thí nghiệm. Nhưng, hoàn toàn có thể tiến hành thực nghiệm tự nhiên bất kỳ lúc nào, trong quá trình xảy ra hiện tượng xã hội, nhà xã hội học có thể chủ động can thiệp và tác động vào hiện tượng cần nghiên cứu. Trong xã hội học, thực nghiệm là việc tạo ra những điều kiện nhân tạo để xem xét ảnh hưởng của chúng tới một hiện tượng, một sự kiện xã hội nhất định. Đồng thời thực nghiệm cho phép nghiên cứu các trường hợp “*không bình thường*” để hiểu các sự kiện “*bình thường*” trong xã hội.

+ *So sánh*: Comte rất coi trọng phương pháp so sánh trong nghiên cứu xã hội học. Việc so sánh xã hội hiện tại với xã hội quá khứ, hay so sánh các hình thức, các

dạng, loại xã hội với nhau có thể giúp chúng ta phát hiện ra sự giống và khác nhau giữa các xã hội đó. Từ những thông tin thu được, có thể khái quát về các đặc điểm chung, các thuộc tính cơ bản của xã hội.

+ *Phân tích lịch sử*: Qua việc phát hiện ra “*quy luật ba giai đoạn*”, A. Comte đã chỉ ra tầm quan trọng đặc biệt của phương pháp phân tích lịch sử. Phương pháp này được hiểu là quan sát tỉ mỉ, kỹ lưỡng sự vận động lịch sử của các xã hội, các sự kiện, các hiện tượng xã hội để chỉ ra xu hướng, tiến trình biến đổi xã hội.

Tóm lại, phương pháp luận nghiên cứu xã hội học của A. Comte là sử dụng các phương pháp khoa học thực chứng để nghiên cứu các quy luật biến đổi xã hội.

- *Quan niệm của Comte về cơ cấu của Xã hội học*

Do chịu ảnh hưởng của Vật lý học và Sinh vật học mà A. Comte đã phân chia và gọi tên các bộ phận cấu thành của xã hội học là: *Tĩnh học xã hội* và *Động học xã hội*.

+ *Tĩnh học xã hội (Social Statics)* là bộ phận xã hội học nghiên cứu về trật tự xã hội, cơ cấu xã hội, các thành phần và mối liên hệ của chúng. Ban đầu A. Comte nghiên cứu các cá nhân với tư cách là những đơn vị hợp thành của cơ cấu xã hội. Ông nhận thấy cá nhân là một tập hợp, một hệ thống gồm các năng lực, nhu cầu đã có sẵn bên trong cá nhân và những điều này cá nhân tiếp thu từ bên ngoài trong quá trình tham gia vào các hoạt động xã hội. Nhưng về sau quan niệm của A. Comte thay đổi, ông không còn coi cá nhân là đơn vị xã hội đích thực của cơ cấu xã hội, và cho rằng nghiên cứu cá nhân thuộc về lĩnh vực sinh vật học; theo ông, gia đình là đơn vị xã hội sơ đẳng nhất và cơ bản nhất có mặt trong tất cả mọi loại hình xã hội. Khi nghiên cứu về gia đình, A. Comte chủ yếu nghiên cứu cơ cấu của gia đình, sự phân công lao động nam, nữ và quan hệ giữa các thành viên trong gia đình, đặc biệt là quan hệ giữa cha mẹ và con cái. A. Comte nhận định, cơ cấu xã hội phát triển theo con đường tiến hoá từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp. Câu hỏi mà A. Comte đặt ra là: làm sao duy trì được mối liên kết giữa các bộ phận xã hội hay các tiêu cơ cấu xã hội khi mà mức độ phân hoá xã hội ngày càng tăng? Theo ông để giải quyết vấn đề này vai trò của các yếu tố văn hoá, tinh thần xã hội và quyền lực nhà nước rất quan trọng. Nhà nước có thể điều hoà, liên kết, phối hợp các bộ phận xã hội để chống lại sức ép của sự phân hoá và phân rã xã hội. Ngoài ra các yếu tố trí tuệ, đạo đức, thiện chí, thiện cảm của các thành viên xã hội cũng đóng vai trò là nhân tố duy trì sự liên kết, trật tự xã hội.

+ *Động học xã hội (Social Dynamics)* là lĩnh vực nghiên cứu các quy luật biến đổi xã hội trong các hệ thống xã hội theo thời gian. A. Comte đưa ra quy luật ba giai đoạn để giải thích sự phát triển của các hệ thống tư tưởng và các hệ thống cơ cấu xã hội tương ứng. Theo ông lịch sử loài người phát triển qua ba giai đoạn: *thần học, siêu hình và thực chứng*. Giai đoạn trước là điều kiện phát triển cho giai đoạn sau, chẳng hạn, nếu không có hệ thống dòng họ thì khó có thể phát triển các hệ thống tiếp theo như hệ thống chính trị, luật pháp, quân đội... Lịch sử tiến hoá diễn ra theo con đường tích lũy,

tiến hoá. Tuy nhiên, việc biến đổi từ giai đoạn này sang giai đoạn khác thường trải qua một thời kỳ bất ổn định, mâu thuẫn giữa cái cũ và cái mới...

A. Comte là người có nhiều đóng góp lớn lao cả về lý luận và phương pháp cho khoa học xã hội học, ông là người đầu tiên chỉ ra nhu cầu và bản chất của một khoa học về các quy luật tổ chức xã hội.

3.3.2. Xã hội học Herbert Spencer (1820 - 1903)

Herbert Spencer là nhà triết học, xã hội học người Anh. Bối cảnh chính trị, kinh tế, xã hội và môi trường khoa học ở nước Anh đã ảnh hưởng rất lớn tới sự nghiệp khoa học của ông. Các tác phẩm chính: *Tĩnh học xã hội*, *Nghiên cứu xã hội học* (1873), *Các nguyên lý của xã hội học* (1876 -1896), *Xã hội học miêu tả* (1873- 1881).

- Các nguyên lý cơ bản của XHH Spencer

Spencer quan niệm xã hội như là một cơ thể sống - cơ thể siêu hữu cơ. Xã hội vận động và phát triển theo quy luật. Nguyên lý cơ bản nhất của Xã hội học Spencer là nguyên lý tiến hoá. Các xã hội loài người phát triển theo quy luật tiến hoá từ xã hội có cơ cấu nhỏ, đơn giản, chuyên môn hoá thấp, không ổn định, dễ phân rã đến xã hội có cơ cấu lớn, phức tạp, chuyên môn hoá cao, liên kết bền vững và ổn định. Theo Spencer xã hội chỉ có thể phát triển lành mạnh khi các cơ quan chức năng của xã hội đó đảm bảo thỏa mãn các nhu cầu của xã hội. Giữa cơ thể sống và cơ thể xã hội có những điểm giống và khác nhau rất quan trọng. Cơ thể xã hội khác với cơ thể sống ở chỗ nó bao gồm các bộ phận có khả năng ý thức và tích cực tác động lẫn nhau một cách gián tiếp, thông qua ngôn ngữ, ký hiệu. Nhưng cả hai cơ thể này đều tuân theo những quy luật như tăng kích cỡ của cơ thể, các bộ phận của cơ thể tác động lẫn nhau chặt chẽ đến mức thay đổi ở bộ phận này kéo theo sự thay đổi ở bộ phận khác. Mỗi bộ phận là một cơ thể vi mô, một cơ quan, một tế bào, xã hội là một hệ thống gồm các tiểu xã hội. Xã hội liên tục trải qua các giai đoạn tiến hoá, suy thoái kế tiếp nhau...

- Phương pháp luận nghiên cứu

Theo H. Spencer, xã hội học có hàng loạt những vấn đề khó khăn về mặt phương pháp luận, những khó khăn đó bắt nguồn từ đặc thù của đối tượng nghiên cứu. Có hai loại khó khăn, khách quan và chủ quan. *Khó khăn khách quan* biểu hiện ở chỗ rất khó đo lường các trạng thái chủ quan của đối tượng nghiên cứu, như đặc điểm của các cá nhân, các nhóm xã hội, trong khi các hiện tượng xã hội không ngừng vận động, biến đổi... *Khó khăn chủ quan* thường gặp là tình cảm cá nhân của người nghiên cứu, như thiên vị chính trị, thiên vị giai cấp, thiên vị tôn giáo... Một loại khó khăn nữa là khó khăn về mặt trí tuệ mà chủ yếu là trình độ tri thức, kỹ năng và tay nghề của người nghiên cứu.

- Cách thức phân loại các xã hội của H. Spencer

Căn cứ vào đặc điểm của quá trình tiến hoá, H. Spencer phân chia các xã hội thành hai loại: *Xã hội quân sự* (militant) và *xã hội công nghiệp* (industrial). *Xã hội quân sự* có đặc trưng là cơ chế tổ chức, điều chỉnh mang tính tập trung, độc đoán cao độ để phục vụ các mục tiêu quốc phòng và chiến tranh. Hoạt động của các tổ chức xã hội và cá nhân bị nhà nước kiểm soát chặt chẽ, chế độ phân phối diễn ra theo chiều dọc và mang tính tập trung cao vì bị nhà nước quản lý, kiểm soát. *Xã hội công nghiệp* có đặc trưng là cơ chế ít tập trung và ít độc đoán để phục vụ các mục tiêu xã hội là sản xuất hàng hoá và dịch vụ. Mức độ kiểm soát của nhà nước và chính quyền trung ương đối với các cá nhân và các tổ chức xã hội thấp. Điều này tạo ra khả năng mở rộng và phát huy tính năng động của các bộ phận cấu thành nên xã hội. Chế độ phân phối diễn ra hai chiều: chiều ngang là giữa các tổ chức xã hội và giữa các cá nhân với nhau, còn chiều dọc là giữa các tổ chức xã hội với cá nhân. Phân loại xã hội quân sự - công nghiệp của Spencer liên quan đến quá trình tiến hoá tuần hoàn, quay vòng. Theo cách phân loại này, xã hội tiến hoá từ mức độ xã hội hỗn hợp bậc một đến hỗn hợp bậc hai, hỗn hợp bậc ba. Tương ứng với mỗi loại là tập hợp các đặc trưng của hệ thống điều chỉnh, hệ thống vận hành (gồm cơ cấu kinh tế, tôn giáo, gia đình, văn hoá nghệ thuật, phong tục tập quán, luật pháp và cộng đồng) và hệ thống phân phối.

- *Quan niệm của H. Spencer về thiết chế xã hội*

Thiết chế là khuôn mẫu, là kiểu tổ chức xã hội đảm bảo đáp ứng các nhu cầu và yêu cầu cơ bản của hệ thống xã hội, đồng thời kiểm soát hoạt động của các cá nhân, các nhóm xã hội. Spencer đặc biệt coi trọng các loại thiết chế sau:

+ *Thiết chế gia đình và dòng họ* là thiết chế nhằm làm thoả mãn các nhu cầu cơ bản của mọi loài, như nhu cầu tái sản xuất con người để duy trì nòi giống. Ngoài ra xã hội nào cũng cần có thiết chế gia đình để kiểm soát: sinh đẻ, tình dục, quan hệ nam - nữ và nuôi dạy con cái.

+ *Thiết chế nghi lễ* là thiết chế cần thiết để đáp ứng nhu cầu liên kết và kiểm soát các quan hệ xã hội của con người thông qua các thủ tục, các biểu tượng, ký hiệu, nghi thức v.v... Không có nghi lễ thì khó có thể duy trì được những cơ cấu, những tổ chức có quy mô lớn. Mức độ tập trung quyền lực trong xã hội càng cao thì mức độ bất bình đẳng về nghi lễ càng lớn.

+ *Thiết chế chính trị* xuất hiện chủ yếu để giải quyết các xung đột bên trong và bên ngoài xã hội. Sự tập trung quyền lực càng lớn thì càng bộc lộ rõ sự phân chia cơ cấu giai cấp.

+ *Thiết chế tôn giáo* có yếu tố cơ bản là niềm tin vào các lực lượng siêu nhân, siêu tự nhiên. Biểu hiện của thiết chế tôn giáo là việc tập hợp các cá nhân cùng chia sẻ niềm tin và cùng tham gia các hoạt động nghi lễ đặc thù của tôn giáo. Thiết chế tôn giáo có chức năng củng cố hệ thống chuẩn mực giá trị, niềm tin, tinh thần... để duy trì trật tự xã hội.

+ *Thiết chế kinh tế* nhằm đáp ứng yêu cầu thích nghi của tổ chức xã hội đối với môi trường và thoả mãn nhu cầu ngày càng cao của con người về các sản phẩm và các dịch vụ. Sự tiến hoá của thiết chế kinh tế thể hiện ở việc nâng cao trình độ công nghệ và tri thức, mở rộng sản xuất và phân phối hàng hoá, dịch vụ, hay mức độ tích lũy tư bản, tư liệu sản xuất và thay đổi về tổ chức lao động.

3.3.3. Xã hội học Emile Durkheim (1858 - 1917)

- *Bối cảnh ra đời của xã hội học E. Durkheim*

E. Durkheim là một nhà xã hội học nổi tiếng, người Pháp, đã từng giảng dạy ở nhiều trường đại học danh tiếng của Pháp và có nhiều công trình nghiên cứu xã hội học có giá trị lý luận cao... E. Durkheim quan niệm rằng *xã hội học là khoa học nghiên cứu các sự kiện xã hội*. Xã hội học Durkheim ra đời trong bối cảnh nước Pháp vừa trải qua những biến đổi sâu sắc về chính trị, kinh tế, xã hội và khoa học kỹ thuật. Công xã Paris bị đàn áp đẫm máu, công nghiệp hoá ở nước Pháp diễn ra mạnh mẽ, kéo theo sự tích tụ dân cư vào trong các thành phố lớn, gây xáo trộn, đổ vỡ các quan hệ xã hội và cộng đồng, tạo ra tình trạng hỗn loạn mà E. Durkheim gọi là “*vô tổ chức*”, “*vô chính phủ đạo đức*”. Lối sống cạnh tranh, vụ lợi làm căng thẳng mối quan hệ giữa các tầng lớp, các nhóm xã hội, đặc biệt là mâu thuẫn đối kháng giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản càng trở nên quyết liệt. Ra đời trong bối cảnh như vậy, xã hội học của Durkheim đặt ra nhiệm vụ hàng đầu là tìm ra các quy luật xã hội để từ đó tạo ra trật tự xã hội, nghĩa là *xã hội học phải trở thành khoa học về các quy luật tổ chức xã hội*. Theo ông, xã hội tồn tại bên ngoài cá nhân và có trước cá nhân, mọi cá nhân được sinh ra trong xã hội phải tuân thủ các chuẩn mực, phép tắc xã hội. Do vậy xã hội học cần phải xem xét hệ thống xã hội, cơ cấu và các hiện tượng xã hội với tư cách là các sự vật, các bằng chứng, các sự kiện. Thực chất xã hội học E. Durkheim chủ yếu xoay quanh vấn đề mối quan hệ giữa con người và xã hội, làm thế nào để vừa bảo đảm được tự do cá nhân vừa không làm tăng tính ích kỷ của con người và trong khi đó vẫn tạo ra được trật tự xã hội. Xã hội học của E. Durkheim chịu ảnh hưởng và kế thừa quan điểm nhận thức luận cũng như phương pháp nghiên cứu của nhiều nhà tư tưởng và xã hội học châu Âu thời đó (TK XVIII - XIX).

- *Phương pháp luận nghiên cứu của E. Durkheim*

Xã hội học E. Durkheim được trình bày một cách hệ thống trong nhiều công trình nghiên cứu. Trong tác phẩm “*Các quy tắc của phương pháp xã hội học*”, E. Durkheim đã xác định đối tượng nghiên cứu của xã hội học là *các sự kiện xã hội*. Khái niệm *sự kiện xã hội* được hiểu với hai nghĩa:

+ *Sự kiện xã hội vật chất* như nhóm, dân cư, tổ chức xã hội.

+ *Sự hiện xã hội phi vật chất* như hệ thống giá trị, chuẩn mực, phong tục, tập quán và kể cả các sự kiện đạo đức như cách thức hành động, suy nghĩ và trải nghiệm.

Theo E. Durkheim, các sự kiện xã hội có ba đặc trưng cơ bản:

Thứ nhất, sự kiện xã hội phải là những gì ở ngoài cá nhân và cá nhân không chỉ được sinh ra trong môi trường đã có sẵn các sự kiện xã hội như: thiết chế, cơ cấu xã hội, chuẩn mực, giá trị, niềm tin..., mà cá nhân còn phải học tập, tiếp thu, chia sẻ và tuân thủ các sự kiện xã hội đó. Khi cá nhân tích cực, chủ động tạo dựng ra các thành phần của cơ cấu xã hội, các chuẩn mực, giá trị, các quy tắc xã hội.v.v... thì tất cả những cái đó đều có thể trở thành sự kiện xã hội, tức trở thành hiện thực bên ngoài cá nhân...

Thứ hai, sự kiện xã hội bao giờ cũng là cái chung đối với nhiều cá nhân, nghĩa là được cộng đồng xã hội cùng chia sẻ, chấp nhận...

Thứ ba, sự kiện xã hội bao giờ cũng có sức mạnh kiểm soát, hạn chế, cưỡng chế hành động và hành vi của các cá nhân. Nếu cá nhân vi phạm những quy định, những giới hạn, luật định thì đều bị trừng phạt.

Trong nghiên cứu xã hội học, E. Durkheim đã chỉ ra những nhóm quy tắc đòi hỏi nhà xã hội học khi quan sát sự kiện xã hội phải loại bỏ các thành kiến cá nhân. Phải coi sự kiện xã hội như là “*sự vật*” tồn tại khách quan, ở bên ngoài cá nhân và có thể quan sát được, thì mới có thể sử dụng các phương pháp thực chứng để nghiên cứu các đặc điểm, tính chất và quy luật của sự kiện. Mặt khác nghiên cứu xã hội học phải phân biệt được cái chuẩn mực, cái bình thường với cái dị biệt, cái không bình thường. Vì mục tiêu sâu xa của xã hội học là tạo dựng và chỉ ra cái mẫu mực, cái tốt lành cho cuộc sống của con người. Muốn vậy cách tốt nhất là phải phát hiện ra cái thường gặp, cái chung, cái trung bình, cái điển hình của một xã hội cụ thể, trong một giai đoạn phát triển lịch sử nhất định, từ đó có thể chỉ ra được cái lệch chuẩn, dị biệt, không bình thường... E. Durkheim cũng đặt ra yêu cầu, muốn hiểu được tiến trình phát triển của xã hội thì phải phân loại xã hội bằng cách dựa vào bản chất, số lượng các thành phần cơ cấu nên xã hội, phương thức, cơ chế và hình thức kết hợp các thành phần đó. Hoặc muốn giải thích được các hiện tượng xã hội thì phải chỉ ra được các điều kiện, các yếu tố và nguyên nhân gây ra hiện tượng xã hội. Đồng thời phân tích chức năng, hệ quả của hiện tượng xã hội đó đối với cả hệ thống xã hội...

Ngoài khái niệm “*sự kiện xã hội*” và “*các quy tắc nghiên cứu xã hội*” E. Durkheim còn đưa ra khái niệm “*đoàn kết xã hội*”. Đoàn kết xã hội nhằm chỉ các mối quan hệ giữa cá nhân với cá nhân, giữa cá nhân với xã hội, hay với nhóm xã hội. Nếu không có sự đoàn kết xã hội thì các cá nhân sẽ tồn tại riêng lẻ, biệt lập không thể tạo thành xã hội như là một chỉnh thể. E. Durkheim đã dùng khái niệm *đoàn kết xã hội* để giải thích nhiều hiện tượng xã hội, nhất là khi trả lời câu hỏi: “Tại sao các cá nhân trong khi đang trở nên tự chủ hơn, lại phụ thuộc nhiều hơn vào xã hội?”. Và, ông đã phân biệt hai hình thức cơ bản của đoàn kết xã hội là: đoàn kết cơ học, đoàn kết hữu cơ và hai kiểu xã hội tương ứng là xã hội cơ học, xã hội hữu cơ.

Đoàn kết cơ học là kiểu đoàn kết xã hội dựa trên sự thuần nhất, đơn điệu của các giá trị và niềm tin. Trong *xã hội kiểu cơ học*, quyền tự do, tinh thần tự chủ và tính độc